

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 748/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 5 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

- Thay thế 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 37, Mục II, Phần A) được ban hành tại danh mục kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng;

- Thay thế 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (số thứ tự 04, Mục I, Phần B) được ban hành tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Trần Văn Hiệp**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
(Kèm theo Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

(Thay thế 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 37, Mục II, Phần A) được ban hành tại danh mục kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07/10/2021)

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                          | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm/cách thức thực hiện  | Phí. Lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------|---|--|---|-------------|---|
| 1   | 3.000160      | Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ | - Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc;<br>- Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc. | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.<br><br>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. | Không       | - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;<br>- Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ;<br>- Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

**II. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Tên thủ tục: Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ**

Tổng thời gian giải quyết TTHC:

+ Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc.

| Bước thực hiện | Nội dung thực hiện  | Trách nhiệm thực hiện                  | Thời gian |
|----------------|---|--|-----------|
| B1 và B3       | Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày  |
| B2             | Giải quyết hồ sơ  | Sở Nông nghiệp và PTNT                 | 5,5 ngày  |

+ Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc.

| <b>Bước thực hiện</b> | <b>Nội dung thực hiện</b>                                     | <b>Trách nhiệm thực hiện</b>           | <b>Thời gian</b> |
|-----------------------|---|--|------------------|
| B1 và B3              | Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày         |
| B2                    | Giải quyết hồ sơ  | Sở Nông nghiệp và PTNT                 | 13,5 ngày        |